

Số: 15 /QĐ-CĐKT

Kon Tum, ngày 07 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Quy định đào tạo lái xe cơ giới đường bộ và
bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KON TUM

Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-LĐTBXH ngày 16/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đổi tên Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum thành Trường Cao đẳng Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-LĐTBXH ngày 24/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp Nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tổ chức lại Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-CĐKT ngày 14/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kon Tum ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kon Tum;

Căn cứ Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

Căn cứ Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

Căn cứ Giấy phép đào tạo lái xe ô tô số 01/2024/SGTVT-GPĐT ngày 27/8/2024 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Phó Trưởng khoa - Phụ trách khoa Đào tạo và Sát hạch lái xe, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo lái xe cơ giới đường bộ và bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (có Quy định và biểu mẫu tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 717/QĐ-CĐKT ngày 28/5/2024 của Hiệu trưởng nhà trường.

Điều 3. Khi các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định và Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới đó.

Điều 4. Trưởng các đơn vị thuộc Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Sở GTVT (p/h);
- Sở LĐ-TB&XH (p/h);
- Lãnh đạo Trường;
- Đăng website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT, ĐTSHLX.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Trí Khải

QUY ĐỊNH
đào tạo lái xe cơ giới đường bộ và
bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về tuyển sinh, đào tạo, kiểm tra và xét cấp chứng chỉ đào tạo lái xe cơ giới đường bộ, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân thuộc Trường Cao đẳng Kon Tum (gọi tắt là Trường hoặc nhà trường) và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo lái xe cơ giới đường bộ, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ của Trường.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Xe tập lái* là xe ô tô dùng để đào tạo lái xe ô tô.
2. *Lưu lượng đào tạo* là số lượng học viên lớn nhất mà cơ sở đào tạo lái xe được phép đào tạo tại một thời điểm, được xác định bằng tổng số học viên đào tạo các hạng giấy phép lái xe ô tô, bao gồm cả học viên học lý thuyết và thực hành tại thời điểm xác định lưu lượng đào tạo.
3. *Đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn* là hình thức đào tạo không tập trung, người học chủ yếu tự học qua các học liệu (giáo trình, băng hình, ứng dụng đa phương tiện trên các thiết bị điện tử được thể hiện bằng việc sử dụng các thiết bị phương tiện nghe nhìn, phát thanh, truyền hình, các tổ hợp truyền thông đa phương tiện, mạng internet) dưới sự tổ chức, trợ giúp của giáo viên, cơ sở đào tạo lái xe.
4. *Thời gian lái xe an toàn* là thời gian người có giấy phép lái xe có hiệu lực, không để xảy ra tai nạn giao thông đường bộ gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.
5. *Dữ liệu DAT* là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ thiết bị DAT lắp trên xe ô tô tập lái để tập lái xe trên đường về máy chủ của cơ sở đào tạo lái xe.

6. *Dữ liệu quản lý DAT* là tập hợp các thông tin về định danh và quá trình học thực hành lái xe trên đường của học viên, được truyền từ máy chủ của cơ sở đào tạo lái xe về máy chủ của Cục Đường bộ Việt Nam.

7. *Thời gian học lái xe ban đêm* là thời gian được tính từ 18 giờ ngày hôm trước đến 05 giờ sáng ngày hôm sau.

8. *Hệ thống thông tin về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ* là tập hợp phần cứng, đường truyền và phần mềm phục vụ công tác quản lý thông tin về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ; bao gồm: Hệ thống thông tin đào tạo lái xe, hệ thống thông tin sát hạch lái xe, hệ thống thông tin giấy phép lái xe và hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

9. *Hệ thống thông tin đào tạo lái xe* gồm hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe và hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại Sở Giao thông vận tải.

10. *Hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ* gồm hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại Cục Đường bộ Việt Nam, hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại Sở Giao thông vận tải và hệ thống thông tin cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ tại cơ sở đào tạo.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ TUYỂN SINH

Điều 4. Các hạng xe được tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo nghề và lưu lượng theo Giấy phép đào tạo lái xe được Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum cấp cho nhà trường.

Điều 5. Đối tượng tuyển sinh, điều kiện đối với người học

1. Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

2. Đủ tuổi, sức khỏe theo quy định.

3. Người học có nhu cầu được đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe khi giấy phép lái xe còn hiệu lực, phải có đủ thời gian lái xe an toàn quy định cho từng hạng giấy phép lái xe, cụ thể: Hạng B lên C1, B lên C, C1 lên C thời gian lái xe an toàn từ 2 (hai) năm trở lên.

4. Người đã có giấy phép lái xe hạng B số tự động được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng B số cơ khí (số sàn), người đã có giấy phép lái xe hạng B được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng C1 và phải học đủ nội dung chương trình đào tạo lái xe theo quy định, hồ sơ của người học lái xe thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy định này.

Điều 6. Hồ sơ của người học

1. Người học lái xe lần đầu lập 1 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại các địa điểm thu nhận hồ sơ tuyển sinh của nhà trường và chụp ảnh trực tiếp lưu trữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo;

b) Bản sao hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử được cấp từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Thẻ tạm trú, thẻ thường trú, chứng minh thư ngoại giao, chứng minh thư công vụ (đối với người nước ngoài);

c) Giấy khám sức khỏe của người lái xe còn thời hạn do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

d) Ảnh thẻ màu kích thước 3 x 4 cm (chụp không quá 6 tháng).

2. Người học lái xe nâng hạng lập 1 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại các địa điểm thu nhận hồ sơ tuyển sinh của nhà trường và chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe. Hồ sơ bao gồm:

a) Giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Bản khai thời gian lái xe an toàn theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

3. Người học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

a) Đơn đề nghị học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo;

b) 3 ảnh màu kích thước 2x3 cm chụp không quá 6 tháng, kiểu căn cước.

c) Giấy khám sức khỏe của người điều khiển xe máy chuyên dùng còn thời hạn do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

4. Người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt học lái xe mô tô hạng A1 lập 1 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại các địa điểm thu nhận hồ sơ tuyển sinh của nhà trường. Hồ sơ bao gồm giấy tờ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 7. Hình thức tuyển sinh

1. Tuyển sinh bằng hình thức xét tuyển theo lưu lượng được phép đào tạo và kế hoạch đào tạo từng khoá học.

2. Người học có nhu cầu thực hiện đăng ký khoá học, nộp hồ sơ và nhận giấy hẹn đến ngày làm thủ tục nhập học, ký hợp đồng, đóng học phí, nhận kế hoạch đào tạo theo quy định.

Điều 8. Địa điểm thu nhận hồ sơ

1. Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả đơn hàng thuộc Trường: Số 347 Bà Triệu, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum.

2. Khoa Đào tạo và Sát hạch lái xe (ĐT&SHLX): Đường Trương Vĩnh Ký,

tổ 2, phường Nguyễn Trãi, thành phố Kon Tum.

Điều 9. Quy trình tuyển sinh

1. Nhà trường thông báo tuyển sinh các hạng đào tạo lái xe cơ giới đường bộ, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo Giấy phép đào tạo được cấp phép công khai lên bảng tin; qua kênh truyền thông của Trường hoặc qua kênh thông tin đại chúng và qua các đầu mối tuyển sinh tại các huyện, thành phố để người học có nhu cầu biết và đăng ký học tập.

2. Người có nhu cầu học đăng ký và làm thủ tục nộp hồ sơ, nhận thông báo đến ngày nhập học. Viên chức tuyển sinh có trách nhiệm hướng dẫn người học kê khai đầy đủ thông tin, rà soát hồ sơ theo quy định.

3. Đối với người đăng ký học lái xe mô tô hạng A1, A, bộ môn Đào tạo và Sát hạch lái xe mô tô (thuộc khoa ĐT&SHLX) có trách nhiệm thông báo kế hoạch học và sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hàng tháng cho người học biết. Hướng dẫn người học nộp hồ sơ, học phí, thời gian nhập học và thời gian dự sát hạch.

Điều 10. Mở lớp, nhập học và khai giảng

1. Mở lớp

Căn cứ vào tiến độ đào tạo đã xây dựng theo từng năm học và lưu lượng hồ sơ tuyển sinh của người học vào thời điểm mở lớp học theo dự kiến, khoa ĐT&SHLX chủ trì, phối hợp với phòng Quản lý Đào tạo và các đơn vị có liên quan thực hiện:

- a) Tổng hợp, tham mưu xét duyệt hồ sơ, danh sách học viên;
- b) Tham mưu quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển, kế hoạch đào tạo trình lãnh đạo nhà trường phê duyệt;
- c) Tham mưu kế hoạch tổ chức khai giảng, quyết định mở lớp trình lãnh đạo nhà trường phê duyệt.

2. Tổ chức nhập học, khai giảng

a) Học viên làm thủ tục nhập học, ký hợp đồng đào tạo theo mẫu tại Phụ lục IV và nộp học phí, lệ phí (nếu có). Mức học phí thu theo quy định của nhà trường bằng hình thức chuyển khoản. Đối với việc thu học phí lớp đào tạo lái xe ô tô các hạng có thể chia thành 2 đợt: Đợt 1 thanh toán 50% học phí trước khi có quyết định trúng tuyển; đợt 2 thanh toán 50% mức học phí còn lại trước khi học môn thực hành lái xe;

b) Khoa ĐT&SHLX chủ trì, phối hợp với phòng Quản lý Đào tạo, phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng tổ chức khai giảng khoá học, phổ biến nội quy, quy định, kế hoạch học tập toàn khoá và từng môn học, thời gian, thời lượng học lý thuyết, thực hành và các quy định, quy chế liên quan;

c) Phòng Tài chính – Kế toán chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thu học phí, lệ phí từ người học. Đồng thời, phối hợp với khoa ĐT&SHLX để tham mưu, đề xuất điều chỉnh mức học phí các lớp đào tạo lái xe phù hợp với biến động giá nhiên liệu.

d) Khoa ĐT&SHLX có trách nhiệm phối hợp với các phòng thuộc Trường bố trí nhà giáo giảng dạy theo đúng kế hoạch đào tạo khoá học như nội dung hợp đồng đã cam kết với người học.

Chương III

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường

1. Đối với công tác đào tạo

a) Tổ chức tuyển sinh, đào tạo bảo đảm các điều kiện đối với người học theo quy định tại Điều 6 của Quy định này;

b) Ký hợp đồng đào tạo với người học theo quy định của pháp luật.

c) Công khai quy chế tuyển sinh, mức thu học phí và quản lý đào tạo;

d) Bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn đào tạo theo quy định;

đ) Thông báo phương án hoạt động đến Sở Giao thông vận tải và tổ chức đào tạo lái xe mô tô các hạng đúng phương án hoạt động đào tạo đã đăng ký theo quy định;) Tổ chức đào tạo mới và đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe ô tô theo lưu lượng, thời hạn, địa điểm, hạng giấy phép lái xe ghi trong giấy phép đào tạo lái xe;

g) Ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý đào tạo để nhận dạng và theo dõi thời gian học lý thuyết môn học pháp luật về giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô theo hình thức học tập trung; bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập để nâng cao chất lượng đào tạo lái xe; sử dụng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông để đào tạo lái xe;

h) Bảo đảm giáo viên khi dạy thực hành lái xe phải đeo phù hiệu “Giáo viên dạy lái xe” và mang theo giấy phép xe tập lái; học viên tập lái xe trên đường phải đeo phù hiệu “Học viên tập lái xe”. Phù hiệu do nhà trường cấp, quản lý theo Mẫu số 1 và Mẫu số 2 quy định tại Phụ lục XXXIX ban hành kèm theo Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

i) Tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, xét công nhận hoàn thành khoá đào tạo cho người học theo quy định;

j) Thu và sử dụng học phí đào tạo theo quy định hiện hành;

k) Sử dụng kết quả theo dõi quá trình học; kết quả kiểm tra; kết quả học thực hành lái xe trên đường thông qua hệ thống thông tin đào tạo lái xe của cơ sở đào tạo lái xe hoặc Cục Đường bộ Việt Nam; kết quả học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe được kết xuất từ ca bin học lái xe ô tô thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô để xét khóa đào tạo cho người học lái xe ô tô;

l) Truyền dữ liệu quản lý DAT theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, trung thực dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT; bảo đảm an

toàn dữ liệu, bảo mật cho hệ thống thông tin DAT; bảo mật tên đăng nhập và mật khẩu truy cập phần mềm hệ thống thông tin đào tạo lái xe của Cục Đường bộ Việt Nam; cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, dữ liệu DAT cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu;

m) Theo dõi, khai thác dữ liệu DAT trên hệ thống thông tin đào tạo lái xe của cơ sở đào tạo lái xe để phục vụ công tác quản lý đào tạo lái xe; bảo đảm tính chính xác các thông tin về giáo viên, xe tập lái;

n) Cung cấp và chịu trách nhiệm đối với giấy xác nhận được kết xuất từ ca bin học lái xe ô tô, thông tin học viên đã học đủ thời gian và nội dung học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô cho cơ quan quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe;

o) Xây dựng, phê duyệt hình thức, chương trình đào tạo lái xe chi tiết theo quy trình biên soạn, thẩm định ban hành chương trình đào tạo quy định tại Điều 11 và Phụ lục X Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, báo cáo Sở Giao thông vận tải để theo dõi và quản lý. Việc xây dựng hệ thống, học liệu, các phương pháp đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn và hệ thống ứng dụng quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn theo quy định tại Phụ lục XLII Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

p) Thực hiện các nhiệm vụ khác về đào tạo lái xe cơ giới đường bộ, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

2. Đối với công tác quản lý hệ thống thông tin

a) Đầu tư, bảo trì, nâng cấp trang thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống và mạng truyền số liệu của hệ thống thông tin đào tạo lái xe đặt tại cơ sở đào tạo lái xe;

b) Tiếp nhận và tổ chức thực hiện phần mềm nghiệp vụ trong hệ thống thông tin đào tạo lái xe tại cơ sở đào tạo lái xe do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao.

Tạo lập, đối chiếu, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin học viên, quá trình đào tạo, kết quả đào tạo, báo cáo 1, báo cáo 2 theo quy định. Tiếp nhận thông tin kết quả sát hạch lái xe của học viên đào tạo tại cơ sở của mình để quản lý và tổ chức cho học viên sát hạch lại theo quy định;

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các hồ sơ điện tử gửi hoặc truyền dữ liệu đến Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam;

d) Lưu trữ đầy đủ các thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT;

đ) Ban hành quy chế bảo đảm an toàn an ninh thông tin, quy chế sử dụng phần cứng, phần mềm, tài khoản để bảo đảm sử dụng hệ thống thông tin an toàn, hiệu quả;

e) Khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin được cài đặt, chuyển giao tại Trường để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin cho các đơn vị chức năng (khi có yêu cầu).

Điều 12. Hình thức đào tạo

1. Người có nhu cầu học lái xe mô tô các hạng A1, A.

a) Đối với nội dung học lý thuyết phải học đủ chương trình đào tạo theo quy định và được lựa chọn một trong các hình thức học sau: Tự học các môn lý thuyết theo quy định của pháp luật về hoạt động đào tạo hoặc học tập trung tại Trường;

b) Đối với nội dung thực hành lái xe: Theo hình thức tập trung tại Trường.

2. Người có nhu cầu học lái xe các hạng B, C1.

a) Đối với nội dung học lý thuyết phải học đủ chương trình đào tạo theo quy định và được lựa chọn một trong các hình thức học sau: Tập trung tại Trường hoặc đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn theo quy định của pháp luật về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe; hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn áp dụng đối với các môn học pháp luật về giao thông đường bộ, đạo đức, văn hoá giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông và học lý thuyết các môn: Cấu tạo và sửa chữa thông thường; kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; kỹ thuật lái xe;

b) Đối với nội dung học thực hành lái xe: Theo hình thức tập trung tại Trường.

c) Phải kiểm tra các môn lý thuyết và thực hành tại Trường để được xét công nhận hoàn thành khoá đào tạo.

3. Người có nhu cầu học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng phải được đào tạo tại Trường.

4. Quá thời hạn 1 (một) năm kể từ ngày nhà trường tổ chức xét công nhận kết quả học tập mà học viên không đủ điều kiện xét hoàn thành khoá đào tạo thì phải đào tạo lại theo khóa học mới.

Điều 13. Tài liệu phục vụ đào tạo và quản lý đào tạo

1. Giáo trình đào tạo lái xe phù hợp với chương trình khung đào tạo lái xe quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 35/2024/TT-BGTVT.

2. Biểu mẫu, sổ sách sử dụng đối với đào tạo lái xe ô tô bao gồm:

a) Báo cáo đăng ký sát hạch theo mẫu quy định tại Phụ lục V;

b) Kế hoạch đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục VI;

c) Sổ phân công giáo viên, xe tập lái tham gia giảng dạy theo mẫu quy định tại Phụ lục VII kèm theo;

d) Tiến độ đào tạo lái xe ô tô theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII kèm theo;

đ) Sổ theo dõi kết quả học tập theo mẫu quy định tại Phụ lục IX kèm theo;

e) Sổ tay giáo viên theo quy định tại Phụ lục X kèm theo;

g) Sổ theo dõi học viên xét hoàn thành khóa đào tạo theo quy định tại Phụ lục XI kèm theo.

h) Giáo án lý thuyết theo mẫu tại Phụ lục XII kèm theo;

i) Giáo án thực hành theo mẫu tại Phụ lục XIII kèm theo.

3. Biểu mẫu, sổ sách sử dụng đối với đào tạo lái xe mô tô hạng A1, A bao gồm:

a) Kế hoạch đào tạo lớp lái xe mô tô hạng A1, A theo mẫu tại Phụ lục XIV kèm theo;

b) Báo cáo đăng ký sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô các hạng A1, A theo mẫu quy định tại Phụ lục XV kèm theo;

c) Sổ tay giáo viên theo quy định tại Phụ lục X kèm theo.

4. Đào tạo lái xe ô tô các hạng sử dụng các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, dữ liệu quản lý thời gian học lý thuyết môn học pháp luật về giao thông đường bộ (đối với học tập trung), dữ liệu quản lý học viên trên phần mềm quản lý (đối với học từ xa, tự học có hướng dẫn), dữ liệu giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường và dữ liệu học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô của học viên làm tài liệu quản lý đào tạo.

5. Biểu mẫu, sổ sách đối với đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

a) Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu tại Phụ lục XVI kèm theo;

b) Biên bản kết quả kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (có danh sách thí sinh tham dự kiểm tra) theo mẫu tại Phụ lục XVII kèm theo;

c) Quyết định tổ chức kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu tại Phụ lục XVIII kèm theo;

d) Sổ cấp chứng chỉ.

6. Thời gian lưu trữ hồ sơ, dữ liệu.

a) Không thời hạn đối với sổ theo dõi học viên hoàn thành khóa đào tạo; phương án hoạt động của cơ sở đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A.

b) 3 năm đối với: Hồ sơ kiểm tra hoàn thành khóa học, dữ liệu lưu trữ quản lý thời gian học lý thuyết môn học pháp luật về giao thông đường bộ đối với học viên học lái xe ô tô, dữ liệu thời gian học thực hành lái xe trên ca bin học lái xe ô tô, dữ liệu giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên, dữ liệu quản lý thời gian học lý thuyết đối với hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn thực hiện lưu trữ điện tử, các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm e khoản 2 Điều này.

c) 2 năm đối với tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 5 Điều này. Không thời hạn đối với điểm d khoản 5 Điều này.

d) Thời gian lưu trữ dữ liệu về đào tạo và sát hạch cấp giấy phép lái xe trên hệ thống thông tin tối thiểu là 5 năm.

đ) Việc huỷ tài liệu hết giá trị theo quy định hiện hành.

Chương IV

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ, BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 14. Đào tạo lái xe các hạng A1, A

1. Thời gian đào tạo:

- Hạng A1: 12 giờ (lý thuyết: 10 giờ, thực hành lái xe: 2 giờ).

- Hạng A: 32 giờ (lý thuyết: 20 giờ, thực hành lái xe: 12 giờ).

2. Chương trình và phân bổ thời gian đào tạo.

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE	
			Hạng A1	Hạng A
1	Pháp luật giao thông đường bộ	Giờ	8	16
2	Kỹ thuật lái xe	Giờ	2	4
3	Thực hành lái xe	Giờ	2	12
	Số giờ học thực hành lái xe/học viên	Giờ	2	12
4	Số giờ/học viên/khoá đào tạo	Giờ	12	32
5	Tổng số giờ một khoá đào tạo	Giờ	12	32

3. Đào tạo để sát hạch, cấp giấy phép lái xe hạng A1 cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.

a) Người học lái xe lựa chọn hình thức đào tạo lái xe theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy định này;

b) Phải học đủ nội dung và chương trình theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

4. Đào tạo lái xe mô tô hạng A1 đối với người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt

a) Hình thức đào tạo: Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe phải đăng ký tại Trường để được ôn luyện theo nội dung, chương trình đào tạo lái xe quy định tại Điều 14. Lớp học cho người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt phải giảng dạy riêng và có người phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số.

b) Phương pháp đào tạo: Bằng hình ảnh trực quan, tranh vẽ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, mô hình, sa hình và kỹ năng xử lý tình huống giao thông đường bộ; hỏi - đáp và thực hành làm mẫu để thực hiện nội dung chương trình đào tạo lái xe.

Điều 15. Đào tạo lái xe các hạng B, C1

1. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			Hạng B		Hạng C1
			Học xe chuyên số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)	Học xe chuyên số cơ khí (số sàn)	
I. Đào tạo lý thuyết		giờ	136	152	152
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	90	90	90
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	giờ	8	18	18
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	10	16	16
	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	4	4	4
4	Kỹ thuật lái xe	giờ	20	20	20
5	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	4	4	4

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			Hạng B		Hạng C1
			Học xe chuyên số tự động (bao gồm cả xe ô tô điện)	Học xe chuyên số cơ khí (số sàn)	
II. Đào tạo thực hành		giờ	67	83	93
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 1 học viên	giờ	41	41	43
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 1 học viên	giờ	24	40	48
3	Số giờ thực hành trên cabin học lái xe ô tô/1 học viên	giờ	2	2	2
4	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 1 học viên	km	1.000	1.100	1.100
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 1 học viên	km	290	290	275
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 1 học viên	km	710	810	825
III. Tổng thời gian đào tạo		giờ	203	235	245

2. Tổ chức khóa đào tạo

a) Nhà trường căn cứ các nội dung gồm: Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này và Phụ lục II Thông tư 35/2024/TT-BGTVT, thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc môn học và nghỉ lễ, Tết để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không

quá 90 ngày và bảo đảm đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo đối với các hạng B, hạng C1;

b) Số học viên học thực hành lái xe được quy định cho một xe tập lái: Hạng B không quá 5 học viên, hạng C1 không quá 8 học viên; trong đó, quãng đường tập lái xe được tính cho từng học viên và thời gian tập lái xe trên sân tập lái được tính cho nhóm học viên trên xe tập lái.

3. Đào tạo để sát hạch, cấp giấy phép lái xe hạng B số tự động cho người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái; cho người khuyết tật trừ người khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái.

a) Người học lái xe lựa chọn hình thức đào tạo lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy định này;

b) Người học lái xe phải học đủ nội dung và chương trình theo quy định tại Điều 15 Quy định này;

c) Người học khuyết tật bàn chân phải hoặc bàn tay phải hoặc bàn tay trái được thay nội dung học lái xe trên ca bin học lái xe ô tô bằng nội dung học trên xe tập lái.

Điều 16. Đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe

1. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			B lên C1	B lên C	C1 lên C
I. Đào tạo lý thuyết		giờ	20	40	20
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	giờ	8	16	8
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	4	8	4
3	Đạo đức, văn hóa giao thông và phòng chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông	giờ	3	10	3
	Kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	giờ	4	4	4
4	Học phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông	giờ	1	2	1
II. Đào tạo thực hành		giờ	9	17	9

SỐ TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			B lên C1	B lên C	C1 lên C
1	Thời gian học thực hành lái xe trên sân tập lái của 1 học viên	giờ	4	7	4
2	Thời gian thực hành lái xe trên đường giao thông của 1 học viên	giờ	5	10	5
3	Tổng quãng đường đào tạo thực hành của 1 học viên	km	120	240	120
Trong đó	Quãng đường học thực hành lái xe trên sân tập lái của 1 học viên	km	15	30	15
	Quãng đường thực hành lái xe trên đường giao thông của 1 học viên	km	105	210	105
III. Tổng thời gian đào tạo		giờ	29	57	29

2. Tổ chức khóa đào tạo

a) Nhà trường căn cứ các nội dung gồm: Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này và Phụ lục II Thông tư 35/2024/TT-BGTVT, thời gian ôn tập, kiểm tra kết thúc môn học và nghỉ lễ, Tết để xây dựng tổng thời gian khóa đào tạo trong chương trình đào tạo lái xe không quá 60 ngày và bảo đảm đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo đối với nâng hạng B lên C1, B lên C, C1 lên C;

b) Số học viên được quy định trên 1 xe tập lái đối với học nâng hạng: B lên C1, B lên C, C1 lên C không quá 8 học viên. Trong đó, quãng đường tập lái xe được tính cho từng học viên và thời gian tập lái xe trên sân tập lái được tính cho nhóm học viên trên xe tập lái.

Điều 17. Đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ

1. Khối lượng chương trình và phân bổ thời gian đào tạo

TT	Nội dung chương trình	Số giờ
1	Pháp luật về giao thông đường bộ	12
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	5
3	Quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ	3
4	Quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.	4
5	Quy định về cấp đăng ký, biển số; kiểm định xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	3
6	Ôn tập và kiểm tra	5
	Tổng thời gian đào tạo	32

2. Tổ chức khóa đào tạo

a) Báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ: Nhà trường tiếp nhận hồ sơ của cá nhân bảo đảm yêu cầu về điều kiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này và báo cáo Sở Giao thông vận tải theo mẫu quy định tại Phụ lục XVI kèm theo.

b) Nhà trường căn cứ Chương trình đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này xây dựng giáo trình và nội dung chi tiết chương trình đào tạo.

Điều 18. Nghỉ học tạm thời

1. Người học được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động đi làm nghĩa vụ quân sự, công an nghĩa vụ, thanh niên xung phong;

b) Bị ốm đau hoặc tai nạn phải điều trị dài ngày, nhưng phải có giấy xác nhận của bệnh viện hoặc cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền;

c) Trường hợp vì nhu cầu cá nhân, người học phải có đủ các điều kiện:

- Đã có kết quả học tập ít nhất một môn học đối với chương trình đào tạo tại Trường;

- Không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 19 của Quy định này.

2. Người học phải làm đơn xin bảo lưu kết quả học tập (theo mẫu tại Phụ lục XIX kèm theo) và phải có quyết định cho phép của Hiệu trưởng nhà trường.

3. Người học khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, phải làm đơn đăng ký học lại theo mẫu tại Phụ lục XX kèm theo ít nhất 1 tháng trước khi bắt đầu khai giảng khoá học mới.

4. Người học phải chịu các khoản phí phát sinh (nếu có) theo quy định.

Điều 19. Buộc thôi học, tự thôi học

1. Người học bị buộc thôi học trong quá trình học, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học;

b) Đã hết thời gian đào tạo tối đa đối với chương trình đào tạo quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Quy định này.

2. Người học không thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại khoản 1 Điều này, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị Hiệu trưởng nhà trường cho thôi học:

a) Người học tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình đào tạo;

b) Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được Hiệu trưởng nhà trường chấp thuận;

c) Người học phải làm đơn xin thôi học theo mẫu tại Phụ lục XXI kèm theo và phải có quyết định cho phép của Hiệu trưởng nhà trường.

Điều 20. Kiểm tra hoàn thành khóa đào tạo Lái xe ô tô hạng B, C1, đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Đào tạo lái xe ô tô hạng B, C1, đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe.

Kiểm tra các môn học lý thuyết và học thực hành tại Trường để được xét hoàn thành khóa đào tạo, gồm:

a) Kiểm tra khi kết thúc môn học lý thuyết theo bộ câu hỏi sát hạch lý thuyết, nội dung bộ câu hỏi gồm các môn học:

- Đối với đào tạo Lái xe ô tô hạng B, C1, kiểm tra kết thúc các môn học lý thuyết: Pháp luật về giao thông đường bộ; cấu tạo và sửa chữa thông thường; đạo đức, văn hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia khi tham gia giao thông, kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; kỹ thuật lái xe; mô phỏng các tình huống giao thông;

- Đối với đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe, kiểm tra kết thúc các môn học lý thuyết: Pháp luật về giao thông đường bộ; đạo đức, văn hoá giao thông, phòng chống tác hại của rượu bia khi tham gia giao thông, kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; mô phỏng các tình huống giao thông; kiến thức mới về xe nâng hạng;

b) Kiểm tra khi kết thúc môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường;

c) Xét hoàn thành khóa đào tạo: Người học lái xe có 100% các bài kiểm tra khi kết thúc môn học trong chương trình đào tạo có điểm kiểm tra đạt mỗi môn học từ 5,0 điểm trở lên.

2. Kiểm tra, xét cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

a) Tổ chức kiểm tra, lập biên bản kết quả kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Quy định này và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người học đạt yêu cầu. Trường hợp chưa đạt yêu cầu sẽ được tổ chức kiểm tra lại sau 7 ngày làm việc;

b) Kiểm tra các môn học theo Chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy định này.

3. Kiểm tra khi kết thúc môn học

a) Người học được dự kiểm tra kết thúc môn học khi có đủ điều kiện sau:

- Tham dự tối thiểu 70% thời gian học các môn lý thuyết, học đủ thời gian và tối thiểu 50% số km học thực hành lái xe trên sân tập lái; học đủ số km và tối thiểu 50% thời gian học thực hành lái xe trên đường.

- Trường hợp người học bị ốm trong quá trình học hoặc trong kỳ kiểm tra kết thúc môn học phải viết Đơn xin phép gửi khoa ĐT&SHLX trong thời hạn không quá một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế nhà trường hoặc cơ quan y tế cấp xã trở lên nhưng phải bảo đảm tham dự lớp học đủ thời gian theo quy định tại điểm này;

- Trường hợp người học có điểm kiểm tra kết thúc môn học ở mức không đạt yêu cầu hoặc vắng dự kiểm tra có lí do thì được nhà trường xem xét, bố trí kiểm tra ở kỳ tiếp theo sau ít nhất 2 ngày làm việc.

b) Hình thức, thời gian kiểm tra

- Hình thức kiểm tra kết thúc đối với các môn học lý thuyết là thực hiện bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm hoặc kỹ năng tổng hợp; đối với môn thực hành lái xe kiểm tra kỹ năng thực hành với các bài thi liên hoàn, bài tiến lùi hình chữ chi và lái xe trên đường.

- Đối với nội dung kiểm tra môn học thực hành lái xe với các bài thi liên hoàn được đánh giá theo Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư 35/2024/TT-BGTVT.

- Thời gian làm bài kiểm tra kết thúc môn học đối với mỗi bài kiểm tra viết từ 45 đến 120 phút, thời gian làm bài kiểm tra đối với các hình thức kiểm tra khác hoặc thời gian làm bài kiểm tra của môn học có tính đặc thù của nghề đào tạo do Hiệu trưởng quyết định trong chương trình đào tạo.

c) Ra đề kiểm tra và chấm điểm

- Khoa ĐT&SHLX phối hợp với phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng tổ chức xây dựng, quản lý và sử dụng đề kiểm tra kết thúc môn học. Đề kiểm tra phải phù hợp với nội dung đã được quy định trong chương trình đào tạo.

- Cách chấm và tính điểm kiểm tra

Mỗi bài kiểm tra kết thúc môn học phải do nhà giáo đánh giá và phải ký, ghi rõ họ, tên của người đánh giá vào bài kiểm tra, phiếu chấm điểm, bảng tổng hợp điểm.

Điểm kiểm tra là điểm trung bình cộng của các nhà giáo chấm. Trường hợp điểm của các nhà giáo chấm đối với một bài kiểm tra có sự chênh lệch trên 1,0 điểm (theo thang điểm 10) thì phải tổ chức xem xét hoặc chấm lại. Trường hợp chấm lại vẫn không thống nhất được điểm thì Trường khoa hoặc Trường bộ môn xem xét, quyết định cuối cùng về cho điểm đối với bài kiểm tra đó.

Điểm môn thực hành lái xe là điểm trung bình của các bài thi: Bài thi liên hoàn, bài tiến lùi theo hình chữ chi, bài lái xe trên đường theo thang điểm 10, có tính đến hàng thập phân 1 con số.

Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức: Đạt yêu cầu khi điểm kiểm tra từ 5,0 điểm trở lên (trả lời đúng hoặc thực hiện đạt từ 50% khối lượng công việc, kỹ năng nội dung cần đánh giá) và Không đạt yêu cầu khi điểm kiểm tra dưới 5.0 điểm (trả lời đúng hoặc thực hiện đạt dưới 50% khối lượng công việc, kỹ năng nội dung cần đánh giá).

d) Cách thức tổ chức kiểm tra kết thúc môn học

- Kế hoạch kiểm tra kết thúc môn học do phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng xây dựng trên cơ sở kế hoạch đào tạo của khoá học.

- Lịch kiểm tra của kỳ kiểm tra chính phải được thông báo khi bắt đầu khóa học. Lịch kiểm tra của kỳ kiểm tra lại phải được thông báo trước ngày kiểm tra ít nhất 4 ngày làm việc.

- Danh sách người học đủ điều kiện dự kiểm tra, không đủ điều kiện dự kiểm tra có nêu rõ lý do phải được công bố công khai trước ngày kiểm tra môn học ít nhất 2 ngày làm việc. Danh sách phòng kiểm tra, địa điểm kiểm tra phải được công khai trước ngày kiểm tra kết thúc môn học từ 1 đến 2 ngày làm việc.

- Người học không đủ điều kiện dự kiểm tra hoặc vắng mặt buổi kiểm tra không có lý do chính đáng thì xem như không đạt yêu cầu cho lần kiểm tra đó; trường hợp có lý do chính đáng thì chưa tính vào lần kiểm tra đó và được bố trí kiểm tra lại.

- Người học có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu, thì phải tự ôn tập nội dung kiến thức và thực hành nghề đã học để dự kiểm tra lại. Số lần kiểm tra tối đa là 2 lần. Nếu kiểm tra lại lần thứ hai vẫn không đạt yêu cầu, thì phải học lại (nếu người học có nhu cầu).

Điều 21. Hội đồng xét công nhận người học hoàn thành khóa đào tạo

1. Hội đồng xét công nhận người học hoàn thành khóa đào tạo do Hiệu

trưởng thành lập (gọi tắt là Hội đồng). Hội đồng có ít nhất 5 thành viên, do một Lãnh đạo Trường làm Chủ tịch, Lãnh đạo phòng Quản lý Đào tạo làm Thư ký; Lãnh đạo phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng; Lãnh đạo khoa ĐT&SHLX; Lãnh đạo phòng Tài chính – Kế toán và đại diện nhà giáo các đơn vị thuộc Trường có liên quan làm thành viên.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng

a) Thông qua danh sách người học đủ điều kiện xét công nhận hoàn thành khóa đào tạo, người học chưa đủ điều kiện hoàn thành khóa đào tạo;

b) Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khóa học, Hội đồng hoàn thành việc xét công nhận người học hoàn thành khóa đào tạo và có văn bản đề nghị Hiệu trưởng công nhận hoàn thành khóa đào tạo đối với đào tạo lái xe ô tô hạng B, C1, đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe; đề nghị Hiệu trưởng công nhận hoàn thành khóa đào tạo và cấp chứng chỉ đối với bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Điều 22. Cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ

1. Chứng chỉ do Hiệu trưởng nhà trường cấp cho người học có 100% các kết quả kiểm tra khi kết thúc môn học trong chương trình đào tạo đạt yêu cầu.

2. Việc in, quản lý, cấp và cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ thực hiện theo Điều 50, Điều 52, Điều 53 Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo đăng ký sát hạch

Nhà trường tiếp nhận hồ sơ của người học lái xe bảo đảm đủ điều kiện và thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này; lập báo cáo đăng ký sát hạch (báo cáo 1) gửi Sở Giao thông vận tải bằng một trong các hình thức: Trực tiếp, dịch vụ bưu chính, trên môi trường điện tử đồng thời truyền dữ liệu qua hệ thống thông tin giấy phép lái xe:

a) Đào tạo lái xe mô tô các hạng A1, A: Nhà trường lập báo cáo đăng ký sát hạch lái xe (báo cáo 1), theo mẫu quy định tại Phụ lục XV kèm theo Quy định này gửi Sở Giao thông vận tải; báo cáo phải có dấu giáp lai của cơ sở đào tạo lái xe; thời hạn trước kỳ sát hạch tối thiểu 4 ngày làm việc;

b) Đào tạo lái xe các hạng B, C1: Nhà trường lập báo cáo đăng ký sát hạch lái xe, kế hoạch đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục V, VI kèm theo Quy định này gửi Sở Giao thông vận tải; thời hạn không quá 7 ngày làm việc sau khai giảng;

c) Đào tạo lái xe nâng hạng B lên C1, B lên C, C1 lên C: Nhà trường lập báo cáo đăng ký sát hạch lái xe (báo cáo 1), danh sách đề nghị xác minh giấy phép lái xe đã cấp, kế hoạch đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục V, VI, XXII kèm

theo Quy định này gửi Sở Giao thông vận tải; thời hạn không quá 7 ngày làm việc sau khai giảng;

d) Đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng: Nhà trường gửi báo cáo công tác đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ về Sở Giao thông vận tải theo quy định tại điểm 2 Điều 4 Thông tư 35/2024/TT-BGTVT.

2. Định kỳ nhà trường báo cáo bằng văn bản gửi Sở Giao thông vận tải tỉnh Kon Tum về tình hình tuyển sinh, đào tạo định kỳ 6 tháng (trước ngày 10 tháng 7 hàng năm) và 1 năm (trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo liền kề) theo mẫu tại Phụ lục XXIII kèm theo Quy định này.

Điều 24. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Trường

1. Căn cứ chức năng và nhiệm vụ được giao, các đơn vị thuộc Trường tham mưu tổ chức thực hiện Quy định này theo đúng quy định hiện hành.

2. Viên chức, người lao động nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành./.
